

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **36** /2025/DS-ST

Ngày 19 - 8 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng;

2. Ông Trịnh Văn Thái;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng đặt cọc, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2025/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Quốc T, sinh ngày: 21/12/1993, địa chỉ: Thôn P.L, xã T.P, thị xã L.G, tỉnh B.T (Nay là phường P.H, tỉnh L.Đ). Căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx, do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày dd/mm/yy.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1977, địa chỉ: Số

X đường L.L.Q, phường B.H, Thành phố H.C.M (Trước đây là số X đường L.L.Q, phường Y, quận T.B, Thành phố H.C.M).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Mỹ T, sinh ngày: 02/06/1982, địa chỉ: Ấp T.P, xã P.T, huyện L.Đ, tỉnh B.R.V.T (Nay là xã L.H, Thành phố H.C.M). Căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx, do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày dd/mm/yy.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Bạch Thị L, sinh năm: 1986, địa chỉ: Số Z, đường Y, phường R.D, thành phố V.T, tỉnh B.R.V.T (Nay là phường R.D, Thành phố H.C.M).

+ Ông Huỳnh Chí T, sinh năm: 1994, địa chỉ: Khu phố 7, phường Phước Lộc, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là phường P.H, tỉnh L.Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Quốc T, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn T trình bày:

Đặng Quốc T và vợ, chồng bà Phan Thị Mỹ T không có quan hệ huyết thống, thông qua các mối quan hệ trung gian, Đặng Quốc T được biết bà T đang có nhu cầu chuyển nhượng thửa đất có diện tích khoảng 2000,6m², tọa lạc tại thôn Bình An 2, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Sau khi xem đất tại thực địa, Đặng Quốc T liên hệ trực tiếp với bà T, trên cơ sở thỏa thuận về giá, các bên ký giao kết hợp đồng đặt cọc ngày 30/5/2023, Đặng Quốc T đặt cọc cho bà T số tiền là 50 triệu đồng. Thửa đất này là một phần của thửa đất có diện tích gần 9.000m², khi các bên thỏa thuận đặt cọc thì bà T thông báo đang làm thủ tục tách thửa, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Điều 3 của hợp đồng đặt cọc có nội dung: “*Thỏa thuận hác: đến ngày ra mảnh chính lý sẽ ra công chứng chồng thêm giữ lại 100.000.000 đến khi ra sổ hồng sẽ trả đủ*”, thỏa thuận này được hiểu là khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành mảnh chính lý đối với thửa đất trong quy trình đo đạc tách thửa giấy chứng nhận, các bên sẽ tiến hành giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Đặng Quốc T sẽ thanh toán thêm 350 triệu đồng, và thanh toán phần còn lại (100 triệu đồng) khi Đặng Quốc T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa

đất này, không phải là công chứng việc giao tiền 350 triệu đồng. Tuy nhiên, sau khi có mảnh chính lý, Đặng Quốc T nhiều lần liên hệ bà T, yêu cầu bà T cùng Đặng Quốc T đến Văn phòng Công chứng La Gi, để giao kết hợp đồng chuyển nhượng nhưng bà T vẫn không thực hiện. Đặng Quốc T xác định, thỏa thuận đặt cọc giữa Đặng Quốc T và bà T là để giao kết hợp đồng, trường hợp các bên giao kết hợp đồng thì số tiền đặt cọc sẽ chuyển thành phần tiền thanh toán tiền nhận chuyển nhượng. Tại thời điểm Đặng Quốc T giao kết hợp đồng đặt cọc và thanh toán tiền đặt cọc là Đặng Quốc T chưa có vợ, đến tháng 11/2024, Đặng Quốc T mới kết hôn với bà Trần Thị Thúy Hằng. Do vậy, đây là tài sản riêng của cá nhân Đặng Quốc T, không liên quan đến tổ chức, cá nhân khác.

Đặng Quốc T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Mỹ T phải trả cho Đặng Quốc T số tiền là 150 triệu đồng, trong đó tiền đặt cọc là 50 triệu đồng, tiền phạt cọc là 100 triệu đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Phan Thị Mỹ T trình bày:

Nguyên trước đây, bà T và chồng bà T là ông Võ Văn H, có nhận chuyển nhượng thửa đất có diện tích gần 9.000m², tọa lạc tại thôn Bình An 2, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên giấy chứng nhận lúc này đã được cập nhật biến động đứng tên của bà T. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà T và chồng làm hồ sơ tách thửa, trong thời gian chờ cơ quan quản lý Nhà nước cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 30/5/2023, ông Đặng Quốc T và bà T có thống nhất đặt cọc để giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 2000,6m². Theo thỏa thuận, Đặng Quốc T đặt cọc số tiền 50 triệu đồng, giá trị thửa đất là 500 triệu đồng, sau khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp mảnh chính lý thửa đất thì Đặng Quốc T phải thanh toán thêm 350 triệu đồng, phần còn lại 100 triệu đồng còn lại sẽ được thanh toán khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 29/5/2023, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai La Gi ban hành mảnh chính lý thửa đất nhưng khoảng vài ngày sau bà T mới nhận được, sau khi nhận được bà T có liên hệ yêu cầu Đặng Quốc T thực hiện thanh toán 350 triệu đồng theo thỏa thuận, nhưng Đặng Quốc T thông báo chưa đủ tiền. Khoảng 15 ngày sau, Đặng Quốc

T liên hệ thông báo đã đủ tiền để thanh toán, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đổi đứng tên ông Võ Văn H nên Đặng Quốc T yêu cầu làm việc trực tiếp với H, tuy nhiên không thấy Đặng Quốc T liên hệ thanh toán để làm thủ tục sang tên theo thỏa thuận. Đến ngày 30/6/2023, Đặng Quốc T liên hệ đề nghị thanh toán và thực hiện giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng tại thời điểm này, Đặng Quốc T đã vi phạm nghĩa vụ được thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc đã ký, cụ thể là không thực hiện thanh toán 350 triệu đồng được quy định tại Điều 3 của hợp đồng.

Tại thời điểm các bên ký hợp đồng đặt cọc thì thửa đất này thuộc quyền sử dụng đất của bà T, nhưng khi làm thủ tục tách thửa cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất này thuộc quyền sử dụng của chồng bà T. Tuy nhiên, bà T là người trực tiếp giao kết, trực tiếp nhận tiền, tự chịu trách nhiệm đối với quyền và nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà T không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người làm chứng là bà Bạch Thị L trình bày:

Bà L khẳng định lời trình bày của bà T về toàn bộ quá trình đặt cọc, vi phạm thỏa thuận của Đặng Quốc T là đúng, bởi lẽ bà L là bên trung gian trực tiếp trao đổi với Đặng Quốc T về việc thực hiện thỏa thuận. Mọi liên hệ giữa Đặng Quốc T và bà T đều được thực thông qua bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Huỳnh Chí T trình bày:

Khoảng tháng 02/2023, bà L có giới thiệu cho ông T thửa đất có diện tích khoảng 2.000m² là một phần của thửa đất có diện tích khoảng 8.900m², ban đầu ông T dự kiến sẽ mua tuy nhiên do không đủ khả năng tài chính nên ông T giới thiệu cho Đặng Quốc T. Sau đó, ông T cùng Đặng Quốc T đi đến tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để gặp bà L, nhưng được biết người sử dụng đất là bà T. Trên cơ sở thỏa thuận, bà T và Đặng Quốc T tiến hành giao kết hợp đồng đặt cọc, các bên thỏa thuận số tiền đặt cọc là 50 triệu đồng, khi có mảnh chính lý sẽ tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi các bên giao kết hợp đồng đặt cọc, các bên tự liên hệ với nhau thực hiện việc chuyển nhượng, sự việc tiếp theo ông T không biết,

không liên quan. Tuy nhiên, ông T xác định nội dung ghi trong hợp đồng đặt cọc: “đến ngày ra mãnh chính lý sẽ ra công chứng chồng thêm, giữ lại 100.000.000 đến khi ra sổ hồng (sổ đỏ) sẽ trả đủ” thì cụm từ công chứng được hiểu là công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc T là có căn cứ và đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đặng Quốc T, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đặng Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Mỹ T phải trả lại cho Đặng Quốc T số tiền đặt cọc là 50 triệu đồng và số tiền phạt cọc là 100 triệu đồng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo quy định tại Điều 328 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bên đương sự xác định việc giao kết hợp đồng đặt cọc là nhằm đảm bảo việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 2000,6m², tọa lạc tại thôn Bình An 2, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng), như vậy, nội dung tranh chấp của các bên là liên quan đến bất động sản nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng (trước đây là Tòa án nhân dân thị

xã La Gi, tỉnh Bình Thuận) theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là ông Huỳnh Chí T, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã cung cấp lời khai, đồng thời xác định đã trình bày toàn bộ sự việc mà mình biết cho Tòa án, áp dụng khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[3] Tại Biên bản đối chất lập ngày 14/3/2025, ông Đặng Quốc T và bà Phan Thị Mỹ T đều xác định ngày 30/5/2023, bà T và Đặng Quốc T ký giao kết hợp đồng đặt cọc để đảm bảo việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất có diện tích 2000,6m² tọa lạc tại thôn Bình An 2, xã Tân Bình, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, là một phần của thửa đất số 111, tờ bản đồ số 25, có diện tích 8.919,5m². Đặng Quốc T đã thanh toán đủ số tiền đặt cọc là 50 triệu đồng. Như vậy, mục đích của các bên khi giao kết hợp đồng đặt cọc là nhằm đảm bảo giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong tương lai. Thời điểm giao kết hợp đồng chuyển nhượng được các bên xác định là đến ngày 30/6/2023 hoặc sớm hơn nếu có giấy tờ đủ điều kiện để công chứng hợp đồng. Tuy nhiên, sau đó việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng không được thực hiện, lý do mà bà T đưa ra là Đặng Quốc T vi phạm nghĩa vụ đặt cọc thêm 350 triệu đồng và cụm từ “*công chứng*” trong nội dung: “*đến ngày ra mảnh chính lý sẽ ra công chứng chồng thêm giữ lại 100.000.000 đến khi ra sổ hồng sẽ trả đủ*” là công chứng việc giao – nhận số tiền 350 triệu đồng, do đây là số tiền lớn nên phải công chứng, còn Đặng Quốc T cho rằng nội hàm của cụm từ “*công chứng*” là công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[4] Các bên đã có sự giải thích khác nhau về nội dung thỏa thuận nêu tại hợp đồng đặt cọc, theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 404 Bộ luật Dân sự về giải thích hợp đồng thì “2. Khi hợp đồng có điều khoản hoặc ngôn từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau thì phải giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với mục đích, tính chất của hợp đồng”, “4. Các điều khoản trong hợp đồng phải được giải thích trong mối liên hệ với nhau, sao cho ý nghĩa của các điều khoản đó phù hợp với toàn bộ nội dung hợp đồng”, và tại Điều 2 của hợp đồng đặt cọc thể hiện: “**Bên B đặt cọc số tiền 50 triệu đồng. Đến ngày 30/6/2023 hoặc khi có sớm sẽ báo sớm để công chứng, bên B sẽ cùng với bên A làm thủ tục công chứng, chuyển nhượng tại cơ quan Nhà**

nước có thẩm quyền. Khi thủ tục công chứng hoàn tất, bên B phải giao đủ số tiền còn lại cho bên A". Như vậy, số tiền đặt cọc được các bên thỏa thuận là 50 triệu đồng và Đặng Quốc T đã giao đủ cho bà T, phần nội dung thỏa thuận về việc thanh toán 350 triệu đồng khi thực hiện thủ tục công chứng chuyển nhượng là thỏa thuận về phương thức thanh toán tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như trình bày của Đặng Quốc T là phù hợp, không phải là đặt cọc thêm như lý giải của bà T, bởi lẽ nếu xác định Đặng Quốc T phải đặt cọc thêm 350 triệu đồng thì mâu thuẫn với thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng đặt cọc, không phù hợp với quy định của pháp luật về nguyên tắc giải thích hợp đồng. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ và trình bày của nguyên đơn và bị đơn, quy định của pháp luật về giải thích hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy lý do mà bà T đưa ra để giải thích cho việc không tiến hành giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Mặt khác, ngày 30/5/2023, bà T giao kết hợp đồng đặt cọc để tiến tới việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Đặng Quốc T, nhưng theo tài liệu, chứng cứ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai La Gi cung cấp, thể hiện ngày 05/6/2023, bà T và chồng là ông H thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, theo đó ông H có quyền sử dụng đối với thửa đất có diện tích 2000,6m², là thửa đất mà Đặng Quốc T đã đặt cọc để nhận chuyển nhượng, đến ngày 23/6/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 973737, đối với thửa đất có diện tích 2.000,6m², điều này thể hiện bà T không thiện chí muốn thực hiện nghĩa vụ của bên nhận đặt cọc. Do đó, Hội đồng xét xử xác định nguyên nhân dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được giao kết là thuộc về bên nhận đặt cọc.

[4] Tại Điều 5 của Hợp đồng đặt cọc lập ngày 30/5/2023, các bên thỏa thuận nếu bên A (bên chuyển nhượng) không tiếp tục cùng bên B (bên nhận chuyển nhượng) tiến hành thủ tục chuyển nhượng với bất cứ lý do nào thì phải hoàn trả lại số tiền cọc và bồi thường cho bên B số tiền là 100 triệu đồng. Khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự quy định: *"...nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Như vậy, pháp luật ngoài việc quy định nguyên tắc xử sự chung khi có vi phạm nghĩa vụ đặt cọc xảy ra, còn cho phép các bên thỏa thuận về hậu quả pháp lý nếu phát sinh vi phạm nghĩa vụ. Do

đó, bà T vi phạm nghĩa vụ của bên nhận đặt cọc nên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền đặt cọc là 50 triệu đồng và một khoản tiền 100 triệu đồng cho Đặng Quốc T. Chính vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Đặng Quốc T là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Phan Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 72, Điều 91, Điều 92, Điều 97, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 328, Điều 404 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc T:

Bà Phan Thị Mỹ T phải trả cho ông Đặng Quốc T số tiền 150.000.000 đồng (Ngày 19/8/2025).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Ông Đặng Quốc T được nhận lại 3.750.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm

đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng) theo Biên lai thu số 00116738, ngày 12/10/2023.

- Bà Phan Thị Mỹ T phải chịu 7.500.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/8/2025).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Phú